TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2022
Về việc tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hiệp;

2. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

***- Thư ký Ph Tòa*:** Ông Phạm Long Hồ – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2022/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Võ Thanh Ph**, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã Q, huyện B, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã Q, huyện B, tỉnh B.

Ông Ph, bà B có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20/6/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 20/6/2022 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 20/6/2022, nguyên đơn ông Võ Thanh Ph trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau từ năm 1992 trên tinh thần tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không quan tâm lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thành C, sinh ngày 16/12/1993 và Võ Thị Hồng Th, sinh ngày 23/10/1997, hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 20/6/2022, bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân như ông Phiên trình bày là đúng. Ông Phiên và bà chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Ông Phiên yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý vì không còn tình cảm nữa.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thành Công, sinh ngày 16/12/1993 và Võ Thị Hồng Thắm, sinh ngày 23/10/1997, hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . *Về tố tụng:* Nguyên đơn ông Võ Thanh Ph và bị đơn bà Nguyễn Thị Bcùng có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20 tháng 6 năm 2022, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các bên là phù hợp quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1].*Về quan hệ hôn nhân:*

Trong quá trình giải quyết vụ án cả ông Võ Thanh Ph và bà Nguyễn Thị B đều khai thống nhất sống chung như vợ chồng từ năm 1992 nhưng cho đến thời điểm hiện tại ông bà vẫn không có đăng ký kết hôn, vì vậy không có giấy đăng ký kết hôn để giao nộp cho Tòa án.

Căn cứ vào đơn xin xác nhận đề ngày 17/6/2022 của ông Võ Thanh Phiên gửi Ủy ban nhân dân xã Q được xác nhận: ông Võ Thanh Ph , sinh năm 1972 có chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị B , sinh năm 1966 nhưng qua kiểm tra sổ bộ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q thì không có tên của ông Ph và bà B nên xác định ông Ph và bà B không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q.

Từ những cơ sở nêu trên, xác định được ông Võ Thanh Ph và bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 và cả 02 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q và cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định.

Ông Ph và bà B có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, lẽ ra anh chị phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn nhưng anh chị không thực hiện. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ giữa ông Phiên và bà Bảy là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa ông Võ Thanh Ph và bà Nguyễn Thị B là vợ chồng.

[2.2]. *Về con chung:* Có 02 con chung tên Võ Thành C, sinh ngày 16/12/1993 và Võ Thị Hồng Th, sinh ngày 23/10/1997, hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung:* Hai bên thống nhất để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.4]. *Về nợ chung:* Hai bên khai thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Võ Thanh Phiên phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; 14; 16; 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Thanh Ph và bà Nguyễn Thị B **.**

2. Về con chung: Đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Ông Võ Thanh Ph phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Võ Thanh Ph đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008690 ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, ông Võ Thanh Ph đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Ông Võ Thanh Ph, bà Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH TÒA
Đã ký

Lê Thị Thu Hương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.